

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59A/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/5/2021

V/v “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn K

2. Bà Nguyễn Thị Ng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh H – Thư ký tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh HA, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Trần Minh T, sinh ngày 04/11/2004. Cháu T là con của chị HA và anh H. Người giám hộ cho cháu T là chị Đinh HA.

Người làm chứng:

Bà Bùi Thị C, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đ, Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và lời khai của nguyên đơn chị Đinh HA trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Về tình cảm: Chị Đinh HA kết hôn với anh Trần Mạnh H trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Q ngày 26/03/1999 là sự thật. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình anh H. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được một hai năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính do anh H mắc nghiện ma túy từ lúc nào chị không rõ, anh H không giúp đỡ gia đình được việc gì, ngoài ra anh H còn mang đồ đạc trong gia đình đi bán để lấy tiền anh H sử dụng ma túy, từ đó dẫn đến việc vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nên chị HA đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2017 và anh chị cũng chính thức ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy chị không còn tình cảm với anh H, không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay nên chị xin được giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung, chị Đinh HA trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung. Cháu lớn tên là Trần Minh Trường G, sinh ngày 07/12/1999. Cháu nhỏ là Trần Minh T, sinh ngày 04/11/2004. Cháu G đã đến tuổi trưởng thành nên chị HA tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra để giải quyết. Đối với cháu T hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội. Nếu ly hôn chị tùy vào quyết định của cháu. Nếu cháu xin ở với chị thì chị nuôi, còn nếu cháu xin ở với bố chị cũng đồng ý, chị tự nguyện không yêu cầu tòa đặt ra để giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về công nợ, chị Đinh HA trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, chị Đinh HA trình bày: Vợ chồng chị có xây được một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 50m² nằm trên đất của bố mẹ chồng, chị tự nguyện không yêu cầu tòa đặt ra để giải quyết.

Về công sức, Chị Đinh HA xác định chị không có công sức gì với gia đình anh H nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị Đinh HA không yêu cầu Tòa án giải quyết do chị không có ruộng nông nghiệp với hộ gia đình anh H.

Quá trình giải quyết vụ án anh H không hợp tác với Tòa án. Ngày 01/2/2021 Tòa án đã kết hợp cùng với chính quyền địa phương đến tại gia đình anh H và có gặp anh H ở nhà. Tòa án đã tiến hành làm việc và giải thích quyền và nghĩa vụ cho anh H được biết về quá trình Tòa án đang giải quyết việc chị HA xin ly hôn anh H thì anh H có quan điểm là đồng ý ly hôn chị HA, còn cháu T ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu, đối với tài sản, nợ và ruộng canh tác cũng như công sức anh xác định không có gì nên anh không yêu cầu giải quyết. Việc anh không đến tòa theo giấy triệu tập là anh để cho chị HA tự giải quyết đơn phương, mặc dù anh H có quan điểm như vậy khi kết thúc buổi làm việc anh H đã nghe thông qua biên bản nhưng anh H không ký biên bản. Từ những lý do đó trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án anh H đều vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án cũng không tiến hành được phiên họp hòa giải vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, chị HA đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự do không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Đinh HA được ly hôn với anh Trần Mạnh H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Minh T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị HA và anh H không yêu tòa án giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Đinh HA không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị HA phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Mạnh H. Đây là lần thứ hai mở lại phiên tòa nhưng anh H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về tình cảm vợ chồng: Chị Đinh HA và anh Trần Mạnh H kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 26/03/1999 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Lời khai của chị HA thể hiện sau khi kết hôn chị HA và anh H thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được một hai năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mắc nghiện ma túy từ lúc nào chị không rõ, anh H không giúp đỡ gia đình được việc gì, ngoài ra anh H còn mang đồ đạc trong gia đình đi bán để lấy tiền anh H sử dụng ma túy, từ đó dẫn đến việc vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nên chị HA đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2017 và anh chị cũng chính thức ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh H, không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay nên chị đề nghị cho chị được ly hôn với anh H. Lời khai của bà Bùi Thị C là mẹ đẻ chị HA thể hiện: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị HA và anh H sống hạnh phúc sau đó có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chính do anh H nghiện ma túy, không chăm

non gì đến gia đình, nhà cửa có gì anh H mang đi bán hết để lấy tiền mua ma túy để sử dụng, sau đó chị HA ra ngoài ở trọ anh H còn đến quậy phá, nay chị HA làm đơn xin ly hôn anh H bà C tôn trọng quyết định của chị HA đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Từ lời khai của chị HA, bà C đã có đủ cơ sở xác định: Vợ chồng chị HA có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng anh chị không chung sống cùng với nhau năm 2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh H nhưng anh H cũng không đến Tòa án để trình bày quan điểm của anh về việc ly hôn, khi tòa án về tại gia đình anh làm việc anh có quan điểm là đồng ý ly hôn với chị HA. Điều này phần nào cho thấy bản thân anh H cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ những nhận định như trên có đủ cơ sở thấy rằng anh chị không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng, hôn nhân đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị HA được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị HA và anh H có hai con chung. Cháu lớn tên là Trần Minh Trường G, sinh ngày 07/12/1999. Cháu nhỏ là Trần Minh T, sinh ngày 04/11/2004. Cháu G đã đến tuổi trưởng thành nên chị HA, anh H tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra để giải quyết. Đối với cháu T hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội. Nếu ly hôn chị HA và anh H đều có quan điểm là tùy vào quyết định của cháu T. Nếu cháu xin ở với chị HA thì chị nuôi, còn nếu cháu xin ở với anh H thì anh nuôi, anh chị tự nguyện không yêu cầu tòa đặt ra để giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình Tòa án lấy lời khai của cháu T thì cháu xin ở với bố, xét nguyện vọng của cháu T có đầy đủ cơ sở ở chấp nhận nên sẽ tiếp tục giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H và chị HA không yêu cầu tòa giải quyết phân đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị HA được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Chị HA và anh H đều không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công sức, công nợ và ruộng nông nghiệp: Chị HA và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị HA phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 36/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh HA. Xử cho chị Đinh HA được ly hôn với anh Trần Mạnh H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 04/11/2004 cho anh Trần Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị HA và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị HA có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đinh HA phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000575 ngày 06/11/2020, chị HA đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện V;
- UBND xã Q.
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị T

